Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-01-28 11:31:01 +07:00

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 93/2025/TT-BNNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa, ngô

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 67/2009/NĐ-CP và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 67/2009/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa, ngô.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này 05 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa và hạt giống ngô, bao gồm:

1. QCVN 101:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa thuần;

2. QCVN 102:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng;

3. QCVN 103:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng;

4. QCVN 104:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống ngô lai.

5. QCVN 105:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng giống cây trồng và Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. **Tổ chức thực hiện**

1. Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để xem xét và kịp thời giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Trung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 101:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA THUẦN

National Technical Regulation on Seed Quality of Conventional Rice

HÀ NỘI - 2025

Lời nói đầu

QCVN 101:2025/BNNMT do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo Thông tư số 93 /2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QCVN 101:2025/BNNMT thay thế QCVN 01-54: 2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA THUẦN

National Technical Regulation on Seed Quality of Conventional Rice

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với chất lượng hạt giống lúa thuần thuộc loài *Oryza sativa* L. Mã HS: 1006.10.10 (Thông tư số 01/2024/TT-BNN&PTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024).

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và buôn bán hạt giống lúa thuần thuộc loài *Oryza sativa* L. tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1.3.1. Giải thích từ ngữ

- Giống lúa thuần: là giống lúa được phát triển từ dòng thuần, ổn định về mặt di truyền.

- Hạt giống tác giả: là hạt giống do tác giả chọn, tạo và ổn định về mặt di truyền.

- Hạt giống siêu nguyên chủng (SNC): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc được sản xuất từ hạt giống trong sản xuất theo quy trình sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng và đạt chất lượng theo quy định.

- Hạt giống nguyên chủng (NC): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống nguyên chủng và đạt chất lượng theo quy định.

- Hạt giống xác nhận (XN): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống xác nhận và đạt chất lượng theo quy định.

- Cỏ dại nguy hại: là những đối tượng cỏ dại tồn tại phổ biến ở ruộng sản xuất lúa, cạnh tranh nước, dinh dưỡng, ánh sáng với lúa; gây ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng phát triển, năng suất và chất lượng lúa gạo thương phẩm và hạt giống lúa.

- Lúa cỏ (*Oryza spp.)* là loài có những đặc điểm sinh học: thân cao và mảnh; sinh khối thân lá lớn; dễ rụng hạt; hạt có râu màu trắng, vàng hoặc đỏ; vỏ trấu và vỏ lụa thường có màu tùy thuộc từng biến thể hoặc kiểu sinh học.

- Tiền kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra tính đúng giống và độ thuần trước khi lô giống đó được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

- Hậu kiểm là việc gieo trồng mẫu của lô giống đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần.

- Lô hạt giống lúa: lượng hạt giống cụ thể có cùng nguồn gốc và mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng tối đa 30 tấn.

1.3.2. Chữ viết tắt

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia.

1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 8547:2011 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.

- TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.

- TCVN 8550:2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

- Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về lưu mẫu giống cây trồng; kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu.

- Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hoá thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu chung

Ruộng sản xuất giống lúa thuần phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác, không có lúa chét và lúa mọc từ hạt rụng của vụ trước.

2.1.2. Yêu cầu về cách ly

Ruộng sản xuất giống phải cách ly với các ruộng trồng lúa khác ở xung quanh bằng một trong các phương pháp quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 - Yêu cầu về cách ly

Ruộng sản xuất giống	Phương pháp cách ly	
	Cách ly không gian	Cách ly thời gian
Siêu nguyên chủng	Ít nhất 20 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày
Nguyên chủng, xác nhận	Ít nhất 3 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày

2.1.3. Yêu cầu độ thuần giống, cỏ dại nguy hại và lúa cỏ

Ruộng sản xuất giống lúa thuần, tại mỗi lần kiểm định phải đáp ứng các quy định về độ thuần, cỏ dại nguy hại và lúa cỏ theo quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Yêu cầu độ thuần giống, cỏ dại nguy hại và lúa cỏ

Chỉ tiêu	Ruộng sản xuất giống		
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận
Độ thuần ruộng giống, % số cây, không nhỏ hơn	100	99,9	99,5
Cỏ dại nguy hại [a] và lúa cỏ, số cây/100 m^2, không lớn hơn	0	4	10
Chú thích: *[a] Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crus-galli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa glabrescens); cỏ đuôi phượng (Leptochloa chinensis).*			

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa thuần

Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa thuần phải đáp ứng theo quy định tại Bảng 3.

Bảng 3 - Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu	Hạt giống siêu nguyên chủng	Hạt giống nguyên chủng	Hạt giống xác nhận
Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0	99,0
Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn	0	0,05	0,3
Hạt cỏ dại nguy hại [a] và lúa cỏ, số hạt/kg, không lớn hơn	0	4	10
Tỷ lệ nẩy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	80	80	80
Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	13,5	13,5	13,5
Chú thích: [a] Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crus-galli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa.glabrescens); cỏ đuôi phượng (Leptochloa chinensis);			

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống lúa thuần quy định tại 2.1 của quy chuẩn kỹ thuật này được kiểm định theo phương pháp quy định tại TCVN 8550:2018.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 3 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Lúa đẻ nhánh (10-20 ngày sau cấy hoặc 20-25 ngày sau gieo thẳng);

- Lần 2: Lúa trỗ khoảng 50%;

- Lần 3: Trước thu hoạch khoảng 10 ngày.

3.2. Phương pháp thử nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống lúa thuần theo TCVN 8548:2011.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa thuần quy định tại 2.2 của quy chuẩn kỹ thuật này được thử nghiệm theo phương pháp quy định tại TCVN 8548:2011.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Đánh giá sự phù hợp QCVN

4.1.1. Hình thức đánh giá

Đánh giá sự phù hợp QCVN thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.1.2. Phương thức đánh giá

- Đối với giống sản xuất trong nước: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đáp ứng các yêu cầu về kiểm định ruộng sản xuất lô giống quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Đối với giống nhập khẩu: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.9;

- Nội dung, trình tự, nguyên tắc sử dụng phương thức đánh giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

4.1.3. Các bước đánh giá lô giống

4.1.3.1. Đối với giống sản xuất trong nước như sau:

- Kiểm định ruộng giống theo quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định tại 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Tiền kiểm theo quy định tại 4.1.7.

4.1.3.2. Đối với giống nhập khẩu như sau:

- Đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận phù hợp QCVN theo quy định tại 4.1.9;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Tiền kiểm hoặc hậu kiểm theo quy định tại 4.1.7 hoặc 4.1.8.

4.1.4. Kiểm định ruộng giống

4.1.4.1. Kiểm định ruộng giống do người kiểm định được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.4.2. Biên bản kiểm định ruộng giống có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo quy chuẩn này và được lập tại lần kiểm định cuối cùng, số liệu kiểm định

các lần trước đó được ghi chép có xác nhận của người kiểm định và đại diện chủ lô ruộng giống.

4.1.5. Lấy mẫu và lưu mẫu giống

4.1.5.1. Lấy mẫu lô giống do người lấy mẫu được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu vật liệu nhân giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.5.2. Mỗi lô giống lấy 02 mẫu giống nhau, một mẫu gửi tổ chức thử nghiệm để phân tích, một mẫu lưu tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu lô giống đó. Đối với lô giống yêu cầu hậu kiểm phải lấy thêm một mẫu (khối lượng tối thiểu 250 gram) để hậu kiểm.

4.1.5.3. Biên bản lấy mẫu có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.5.4. Mẫu hạt giống phải được bảo quản trong điều kiện thích hợp ít nhất 06 tháng, kể từ ngày nhận mẫu.

4.1.6. Thử nghiệm mẫu giống

4.1.6.1. Thử nghiệm mẫu giống do tổ chức thử nghiệm thực hiện.

4.1.6.2. Phiếu kết quả thử nghiệm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.6.3. Đối với lô giống nhập khẩu có hạt nhuộm màu, thực hiện như sau:

- Phiếu kết quả thử nghiệm không ghi chỉ tiêu hạt khác giống có thể phân biệt được;

- Hậu kiểm theo quy định tại 4.1.8.

4.1.7. Tiền kiểm

4.1.7.1. Áp dụng khi dựa vào mức độ cách ly, tỷ lệ tự thụ phấn của dòng mẹ, tỷ lệ cây khác dạng, hạt khác giống có thể phân biệt được mà chưa khẳng định được tính đúng giống và độ thuần của lô giống trong quá trình kiểm định, thử nghiệm.

4.1.7.2. Báo cáo kết quả tiền kiểm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.7.3. Phương pháp tiền kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.8. Hậu kiểm

4.1.8.1. Hậu kiểm được tiến hành để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần của các lô giống lúa thuần nhập khẩu có hạt nhuộm màu.

4.1.8.2. Hậu kiểm do tổ chức chứng nhận sự phù hợp thực hiện.

4.1.8.3. Phương pháp hậu kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.8.4. Báo cáo kết quả hậu kiểm theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.9. Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN gồm: tên giống, cấp giống, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng, nước sản xuất; hợp đồng mua bán hạt giống; hóa đơn (Invoice), Tờ khai hải quan, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm).

4.2. Tự đánh giá sự phù hợp QCVN

4.2.1. Trình tự đánh giá sự phù hợp QCVN theo quy định tại mục 4.1.3.1.

4.2.2. Căn cứ kết quả kiểm định lô ruộng giống, lấy mẫu lô giống, thử nghiệm mẫu giống, tổ chức, cá nhân sản xuất giống lập Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN của lô giống theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.3. Chứng nhận sự phù hợp QCVN

4.3.1. Chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống lúa thuần thực hiện theo quy định tại mục 4.1.3.

4.3.2. Trường hợp lô hạt giống lúa thuần đăng ký chứng nhận là hạt giống cấp siêu nguyên chủng, nguyên chủng nhưng chỉ đạt chất lượng ở cấp thấp hơn thì được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật ở cấp thấp hơn nếu chủ lô giống có đề nghị bằng văn bản.

4.3.3. Trường hợp lô giống phải thực hiện hậu kiểm, Tổ chức chứng nhận sự phù hợp QCVN thực hiện như sau:

- Cấp giấy chứng nhận hợp quy khi chủ lô giống có văn bản cam kết đảm bảo đúng giống;

- Thực hiện hậu kiểm theo quy định tại 4.1.7.

4.3.4. Giấy chứng nhận hợp quy có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.4. Công bố hợp quy

Công bố hợp quy thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.5. Hồ sơ chất lượng lô giống

4.5.1. Hồ sơ chất lượng lô giống được đánh giá tại tổ chức chứng nhận sự phù hợp

4.5.1.1. Lô giống sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống.

4.5.1.2. Lô giống nhập khẩu: Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.9 và Biên bản lấy mẫu; Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống nhập khẩu, kết quả hậu kiểm (nếu có).

4.5.1.3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.5.2. Hồ sơ chất lượng lô giống do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự đánh giá gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống, hồ sơ công bố sự phù hợp QCVN và thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

4.5.3. Lưu hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1 và 4.5.2;

- Tổ chức chứng nhận sự phù hợp QCVN lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1.1 và 4.5.1.2;

- Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng lưu hồ sơ chất lượng lô giống gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống; thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.6. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy:

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.7. Quy định chuyển tiếp

- Đối với lô giống đã được đánh giá sự phù hợp hoặc chứng nhận sự phù hợp theo QCVN 01-54:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn sử dụng của lô giống kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

- Với bao bì đã in ghi nhãn theo QCVN 01-54:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được phép sử dụng tiếp 24 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

V. TRÁNH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hạt giống lúa thuần tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về giống cây trồng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn viện dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

QCVN 101:2025/BNNMT

Phụ lục 01
BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng .....năm ....

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG CÂY TRỒNG
Số: /BBKĐ-

- Tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC người kiểm định:
- Đơn vị công tác (nếu có):
- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

A. Thông tin chung:

1. Chủ lô ruộng giống:
- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

2. Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Mã lô ruộng giống:

5. Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định: ha/dòng

6. Nguồn giống (giống đời trước):

a. Đối với sản xuất siêu nguyên chủng:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng:
- G2: Tổ chức kiểm định G1: - Số Biên bản kiểm định G1:

b. Đối với sản xuất nguyên chủng, xác nhận:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng: - Mã hiệu lô giống:
- Tổ chức chứng nhận hợp quy/Tổ chức tự đánh giá sự phù hợp:
- Mã số Giấy chứng nhận sự phù hợp/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp: - Ngày cấp/lập:

7. Cây trồng vụ trước:

8. Thời kỳ kiểm định:

9. Lần kiểm định:

B. Kết quả kiểm định: (các chỉ tiêu đánh giá tại từng lần kiểm định theo QCVN)

Phương pháp kiểm định: TCVN 8550:2018

+ Lần 1:

+ Lần 2:

.....

C. Kết luận:
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha/dòng;
- Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định không phù hợp QCVN: ha/dòng:

D. YÊU CẦU KHÁC

ĐẠI DIỆN CHỦ LÔ RUỘNG GIỐNG *(Ký tên, đóng dấu nếu có)*	**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH** *(Ký tên, đóng dấu)*

QCVN 101:2025/BNNMT

Phụ lục 02

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

Số ...../BBLM-.....

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống……

- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

Địa điểm lấy mẫu: .....
Họ tên người lấy mẫu: .....Mã số/Số CCCD/CC: .....
Đơn vị công tác (nếu có): ……..
Ngày/tháng/năm lấy mẫu: ..... Phương pháp lấy mẫu: .....

TT	Loài cây trồng	Tên giống	Cấp giống	Mã hiệu lô giống	Khối lượng lô giống (kg)	Số lượng bao chứa (bao)	Xử lý hóa chất (có/ không)	Khối lượng mẫu lấy (kg)	Ký hiệu mẫu	Điều kiện bảo quản mẫu	Ghi chú		
											Số lượng mẫu lấy	Mẫu gửi phòng thử nghiệm	Mẫu lưu tại cơ sở

Tôi …….. (người lấy mẫu) cam đoan việc lấy mẫu đã được tiến hành đúng theo phương pháp quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Lô gô (nếu có)

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Web:

Mã số:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Mã số thử nghiệm:

I. THÔNG TIN VỀ MẪU GIỐNG

Tên khách hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:

Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:

Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:

Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:

Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:

Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:

Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:

II. PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM: TCVN 8548:2011

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt cỏ dại và lúa cỏ (số hạt/kg)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Nảy mầm					Độ ẩm (% khối lượng)
			Số ngày kiểm tra	(% số hạt)				
				Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	Hạt chết	

IV. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (nếu có)

Các chỉ tiêu.... phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Các chỉ tiêu... không phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Ngày……. tháng……năm ……..

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ HẬU KIỂM

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN HẬU KIỂM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
	….., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HẬU KIỂM

Giới thiệu chung

Địa điểm:

Thời vụ:

1. Vật liệu

2. Phương pháp hậu kiểm: TCVN 8547:2011

2.1. Bố trí thí nghiệm

2.2. Theo dõi và đánh giá

3. Kết quả

3.1. Về tính đúng giống

3.2. Về độ thuần của giống

4. Kết luận và đề nghị

4.1. Kết luận

- Về tính đúng giống

- Về độ thuần của giống

4.2. Đề nghị

Nơi nhận: - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Cơ quan QLNN yêu cầu hậu kiểm; - Đơn vị có mẫu hậu kiểm; - Lưu.	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 05
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN *(nếu có)* **TÊN TỔ CHỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/BCĐGHQ-.....	*……, ngày … tháng …. năm …..*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:.....
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email: Website:
2. Tên loài, tên giống cây trồng, cấp giống:
3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: .....
4. Mã lô giống được đánh giá sự phù hợp:
5. Kết quả đánh giá:
5.1. Kiểm định ruộng giống
- Ngày kiểm định:
- Địa điểm kiểm định: - Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định:
- Họ và tên người kiểm định: Điện thoại: Mã số:
- Đơn vị quản lý người kiểm định:
- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm
- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

5.2. Thử nghiệm mẫu giống
- Ngày lấy mẫu:
- Địa điểm lấy mẫu: - Khối lượng lô giống:
- Họ và tên người lấy mẫu: Điện thoại: Mã số/cccd/cc:
- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:
- Tên tổ chức thử nghiệm:
- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN…

6. Kết quả các nội dung khác (nếu có): .....
7. Kết luận:
Lô giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù hợp chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày tháng năm.
… (tổ chức, cá nhân) …. cam kết chất lượng lô giống…. phù hợp chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO *(ký, ghi rõ họ tên)*	**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 06

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY LÔ GIỐNG

Lô gô (nếu có) **TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN**

Tên Tổ chức chứng nhận:
Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Website:
Mã số:

GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT
Số: …….. /GCNHQ-

I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:
Chủ lô giống:
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:
Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:
Nơi sản xuất: Thời gian thu hoạch:
Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)
Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:
Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:
Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:
Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:
Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:
Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:
Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:
II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG (Trường hợp giống sản xuất trong nước):
Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018
Đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm) ……
Đơn vị kiểm định: ……
III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU:
Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011
- Mã số thử nghiệm mẫu:
- Mã số tổ chức thử nghiệm:
- Kết quả thử nghiệm:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt cỏ dại và lúa cỏ (số hạt/kg)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Độ ẩm (% khối lượng)

IV. KẾT LUẬN:
Lô giống... cấp giống... có chất lượng phù hợp chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, ngày tháng năm.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 102:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI HAI DÒNG

National Technical Regulation on Seed Quality of Two-Line Hybrid Rice

HÀ NỘI - 2025

Lời nói đầu

QCVN 102:2025/BNNMT do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo Thông tư số 93 /2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QCVN 102:2025/BNNMT thay thế QCVN 01-51: 2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QCVN 102:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI HAI DÒNG

National Technical Regulation on Seed Quality of Two-line Hybrid Rice

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng thuộc loài *Oryza sativa* L. Mã HS: 1006.10.10 (Thông tư số 01/2024/TT-BNN&PTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024).

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và buôn bán hạt giống lúa lai hai dòng thuộc loài *Oryza sativa* L. tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1.3.1. Giải thích từ ngữ

- Giống lúa lai hai dòng: là giống lai giữa dòng mẹ bất dục đực di truyền nhân mẫn cảm nhiệt độ (TGMS) hoặc bất dục đực di truyền nhân mẫn cảm quang chu kỳ (PGMS) với dòng bố hữu dục.

- Hạt giống tác giả: là hạt giống do tác giả chọn, tạo và ổn định về mặt di truyền.

- Hạt giống siêu nguyên chủng (SNC): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc được sản xuất từ hạt giống trong sản xuất theo quy trình sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng và đạt chất lượng theo quy định.

- Hạt giống nguyên chủng (NC): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống nguyên chủng và đạt chất lượng theo quy định.

- Hạt giống xác nhận (XN): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống xác nhận và đạt chất lượng theo quy định.

- Cỏ dại nguy hại: là những đối tượng cỏ dại tồn tại phổ biến ở ruộng sản xuất lúa, cạnh tranh nước, dinh dưỡng, ánh sáng với lúa; gây ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng phát triển, năng suất và chất lượng lúa gạo thương phẩm và hạt giống lúa.

- Lúa cỏ (*Oryza spp.)* là loài có những đặc điểm sinh học: thân cao và mảnh; sinh khối thân lá lớn; dễ rụng hạt; hạt có râu màu trắng, vàng hoặc đỏ; vỏ trấu và vỏ lụa thường có màu tùy thuộc từng biến thể hoặc kiểu sinh học.

- Tiền kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra tính đúng giống và độ thuần trước khi lô giống đó được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

- Hậu kiểm là việc gieo trồng mẫu của lô giống đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần.

- Lô hạt giống lúa: lượng hạt giống cụ thể có cùng nguồn gốc và mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng tối đa 30 tấn.

1.3.2. Chữ viết tắt

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia.

1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 8547:2011 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.

- TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.

- TCVN 8550:2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

- Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về lưu mẫu giống cây trồng; kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu.

- Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hoá thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu chung

Ruộng sản xuất giống lúa lai hai dòng phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác, không có lúa chét và lúa mọc từ hạt rụng của vụ trước.

2.1.2. Yêu cầu về cách ly

Ruộng nhân dòng bố, mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1 phải cách ly với các ruộng trồng lúa khác ở xung quanh bằng một trong các phương pháp quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 - Yêu cầu về cách ly

Ruộng sản xuất giống	Phương pháp cách ly		
	Không gian	Thời gian	Vật cản
Dòng mẹ	Ít nhất 300 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 20 ngày	Địa hình tự nhiên (đê, đồi, núi, …) hoặc hàng rào chắn cao ít nhất 5,0 m
Dòng bố	Ít nhất 20 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Hàng rào chắn cao ít nhất 2,5 m và cách các ruộng lúa khác cùng trỗ 10 m.
F1	Ít nhất 100 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 20 ngày	Hàng rào chắn cao ít nhất 2,5 m và cách các ruộng lúa khác cùng trỗ 50 m.

2.1.3. Yêu cầu độ thuần giống

Ruộng nhân dòng bố, mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1, tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống theo quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Yêu cầu độ thuần giống

Cấp giống, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng mẹ	Ruộng nhân dòng bố	Ruộng sản xuất hạt lai F1
Siêu nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	100	100	-
Nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	99,9	99,9	-
Xác nhận, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	-	-
F1, % số cây, không nhỏ hơn			99,7

2.1.4. Mức độ bất dục đực của dòng mẹ

Tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt của dòng mẹ trên ruộng nhân dòng phải đạt yêu cầu theo quy định tại Bảng 3

Bảng 3 - Yêu cầu tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly trên ruộng sản xuất hạt lai F1

Chỉ tiêu	Dòng mẹ
Tỷ lệ hạt phấn hữu dục, % số hạt, không lớn hơn	0,5
Tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly, % số hạt, không lớn hơn	0,3

2.1.5. Cỏ dại và lúa cỏ

Cỏ dại và lúa cỏ trên ruộng nhân dòng mẹ, dòng bố và ruộng sản xuất hạt lai F1, tại mỗi lần kiểm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại Bảng 4.

Bảng 4 - Yêu cầu về cỏ dại và lúa cỏ

Chỉ tiêu	Ruộng nhân dòng mẹ			Ruộng nhân dòng bố		Ruộng sản xuất hạt lai F1
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	
Cỏ dại nguy hại [a] và lúa cỏ, số cây/100 m^2, không lớn hơn	0	1	3	0	2	5
Chú thích: *[a] Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crus-galli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa.glabrescens); cỏ đuôi phượng (Leptochloa chinensis).*						

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng phải đạt yêu cầu theo quy định tại Bảng 5.

Bảng 5 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu	Dòng mẹ			Dòng bố		Hạt lai F1
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	
Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0
Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn	0	0,01	0,05	0	0,05	0,3
Hạt cỏ dại nguy hại [a] và lúa cỏ, số hạt/kg, không lớn hơn	0	2	4	0	4	10
Tỷ lệ nẩy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	80	80	80	80	80	80
Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0
Chú thích: *Đối với hạt giống bố, mẹ các cấp không có hạt lúa cỏ; hạt lai F1 có hạt lúa cỏ tối đa 1 hạt/kg.* *[a] Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crus-galli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa.glabrescens); cỏ đuôi phượng (Leptochloa chinensis).*						

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống lúa lai hai dòng quy định tại mục 2.1 của quy chuẩn kỹ thuật này được kiểm định theo phương pháp quy định tại TCVN 8550:2018.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 3 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Lúa đẻ nhánh (10-20 ngày sau cấy hoặc 20-25 ngày sau gieo thẳng);

- Lần 2: Lúa trỗ khoảng 50%;

- Lần 3: Trước thu hoạch khoảng 10 ngày.

3.2. Phương pháp thử nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống lúa theo TCVN 8548:2011.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa quy định tại 2.2 của quy chuẩn kỹ thuật này được thử nghiệm theo phương pháp quy định tại TCVN 8548:2011.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Đánh giá sự phù hợp QCVN

4.1.1. Hình thức đánh giá

Đánh giá sự phù hợp QCVN thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.1.2. Phương thức đánh giá

- Đối với giống sản xuất trong nước: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đáp ứng các yêu cầu về kiểm định ruộng sản xuất lô giống quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Đối với giống nhập khẩu: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.9;

- Nội dung, trình tự, nguyên tắc sử dụng phương thức đánh giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

4.1.3. Các bước đánh giá lô giống

4.1.3.1. Đối với giống sản xuất trong nước như sau:

- Kiểm định ruộng giống theo quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định tại 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Tiền kiểm theo quy định tại 4.1.7.

4.1.3.2. Đối với giống nhập khẩu như sau:

- Đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận phù hợp QCVN theo quy định tại 4.1.9;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Tiền kiểm hoặc hậu kiểm theo quy định tại 4.1.7 hoặc 4.1.8.

4.1.4. Kiểm định ruộng giống

4.1.4.1. Kiểm định ruộng giống do người kiểm định được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.4.2. Biên bản kiểm định ruộng giống có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo quy chuẩn này và được lập tại lần kiểm định cuối cùng, số liệu kiểm định các lần trước đó được ghi chép và có xác nhận của người kiểm định và đại diện chủ lô ruộng giống.

4.1.5. Lấy mẫu và lưu mẫu giống

4.1.5.1. Lấy mẫu lô giống do người lấy mẫu được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu vật liệu nhân giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.5.2. Mỗi lô giống lấy 02 mẫu giống nhau, một mẫu gửi tổ chức thử nghiệm để phân tích, một mẫu lưu tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu lô giống đó. Đối với lô giống yêu cầu tiền kiểm hoặc hậu kiểm phải lấy thêm một mẫu (khối lượng tối thiểu 250 gram) để tiền kiểm hoặc hậu kiểm.

4.1.5.3. Biên bản lấy mẫu có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.5.4. Mẫu hạt giống phải được bảo quản trong điều kiện thích hợp ít nhất 06 tháng, kể từ ngày nhận mẫu.

4.1.6. Thử nghiệm mẫu giống

4.1.6.1. Thử nghiệm mẫu giống do tổ chức thử nghiệm thực hiện.

4.1.6.2. Phiếu kết quả thử nghiệm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.6.3. Đối với lô giống nhập khẩu có hạt nhuộm màu, thực hiện như sau:

- Phiếu kết quả thử nghiệm không ghi chỉ tiêu hạt khác giống có thể phân biệt được;

- Hậu kiểm theo quy định tại 4.1.8.

4.1.7. Tiền kiểm

4.1.7.1. Áp dụng khi dựa vào mức độ cách ly, tỷ lệ tự thụ phấn của dòng mẹ, tỷ lệ cây khác dạng, hạt khác giống có thể phân biệt được mà chưa khẳng định được tính đúng giống và độ thuần của lô giống trong quá trình kiểm định, thử nghiệm.

4.1.7.2. Báo cáo kết quả tiền kiểm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.7.3. Phương pháp tiền kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.8. Hậu kiểm

4.1.8.1. Hậu kiểm được tiến hành để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần của các lô giống lúa lai nhập khẩu có hạt nhuộm màu.

4.1.8.2. Hậu kiểm do tổ chức chứng nhận sự phù hợp thực hiện.

4.1.8.3. Phương pháp hậu kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.8.4. Báo cáo kết quả hậu kiểm theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.9. Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN gồm: tên giống, cấp giống, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng, nước sản xuất; hợp đồng mua bán hạt giống; hóa đơn (Invoice), Tờ khai hải quan, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm).

4.2. Tự đánh giá sự phù hợp QCVN

4.2.1. Trình tự đánh giá sự phù hợp QCVN theo quy định tại mục 4.1.3.1.

4.2.2. Căn cứ kết quả kiểm định lô ruộng giống, lấy mẫu lô giống, thử nghiệm mẫu giống, kết quả tiền kiểm (nếu có), tổ chức, cá nhân sản xuất giống lập Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN của lô giống theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.3. Chứng nhận sự phù hợp QCVN

4.3.1. Chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống lúa lai hai dòng thực hiện theo quy định tại mục 4.1.3.

4.3.2. Trường hợp lô hạt dòng bố, mẹ giống lúa lai hai dòng đăng ký sản xuất là hạt giống siêu nguyên chủng nhưng chỉ đạt chất lượng ở cấp nguyên chủng thì được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật ở cấp nguyên chủng nếu chủ lô giống có đề nghị bằng văn bản. Trường hợp lô hạt dòng mẹ giống lúa lai hai dòng đăng ký sản xuất là hạt giống nguyên chủng nhưng chỉ đạt chất lượng ở cấp xác nhận thì được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật ở cấp xác nhận nếu chủ lô giống có đề nghị bằng văn bản.

4.3.3. Trường hợp lô giống phải thực hiện hậu kiểm, Tổ chức chứng nhận sự phù hợp QCVN thực hiện như sau:

- Cấp giấy chứng nhận hợp quy khi chủ lô giống có văn bản cam kết đảm bảo đúng giống;

- Thực hiện hậu kiểm theo quy định tại 4.1.8.

4.3.4. Giấy chứng nhận hợp quy có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.4. Công bố hợp quy

Công bố hợp quy thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.5. Hồ sơ chất lượng lô giống

4.5.1. Hồ sơ chất lượng lô giống được đánh giá tại tổ chức chứng nhận sự phù hợp

4.5.1.1. Lô giống sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Kết quả tiền kiểm (nếu có); Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống.

4.5.1.2. Lô giống nhập khẩu: Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.8 và Biên bản lấy mẫu; Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống nhập khẩu, kết quả hậu kiểm (nếu có).

4.5.1.3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.5.2. Hồ sơ chất lượng lô giống do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự đánh giá gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Kết quả tiền kiểm (nếu có); Báo cáo

đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống, hồ sơ công bố sự phù hợp QCVN và thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

4.5.3. Lưu hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1 và 4.5.2;

- Tổ chức chứng nhận hợp quy lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1.1 và 4.5.1.2;

- Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng lưu hồ sơ chất lượng lô giống gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống; thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.6. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy:

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

4.7. Quy định chuyển tiếp

- Đối với lô giống đã được đánh giá sự phù hợp hoặc chứng nhận sự phù hợp theo QCVN 01-51:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn sử dụng của lô giống kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

- Với bao bì đã in ghi nhãn theo QCVN 01-51:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được phép sử dụng tiếp 24 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

V. TRÁNH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hạt giống lúa lai hai dòng tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về giống cây trồng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn viện dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

Phụ lục 01
BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng .....năm ....

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG
Số: /BBKĐ-

- Tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC người kiểm định:
- Đơn vị công tác (nếu có):
- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

A. Thông tin chung:

1. Chủ lô ruộng giống:
- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:
2. Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:
3. Địa điểm sản xuất:
4. Mã lô ruộng giống:
5. Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định: ha/dòng
6. Nguồn giống(giống đời trước):

a. Đối với sản xuất siêu nguyên chủng:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng:
- G2: Tổ chức kiểm định G1: - Số Biên bản kiểm định G1:

b. Đối với sản xuất nguyên chủng, xác nhận:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng: - Mã hiệu lô giống:
- Tổ chức chứng nhận sự phù hợp/Tổ chức tự đánh giá sự phù hợp:
- Mã số Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp: - Ngày cấp/lập:

7. Cây trồng vụ trước:
8. Thời kỳ kiểm định:
9. Lần kiểm định:

B. Kết quả kiểm định: Phương pháp kiểm định: TCVN 8548:2018
+ Lần 1:
+ Lần 2:
.....

C. Kết luận:
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha/dòng;
- Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định kiểm định không phù hợp QCVN: ha/ dòng:

D. YÊU CẦU KHÁC

ĐẠI DIỆN CHỦ LÔ RUỘNG GIỐNG *(Ký tên, đóng dấu nếu có)*	**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 02

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

Số ...../BBLM-.....

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống……

- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

Địa điểm lấy mẫu: .....
Họ tên người lấy mẫu: .....Mã số/ Số CCCD/CC: .....
Đơn vị công tác (nếu có): ……..
Ngày/tháng/ năm lấy mẫu: ..... Phương pháp lấy mẫu: .....

TT	Loài cây trồng	Tên giống	Cấp giống	Mã hiệu lô giống	Khối lượng lô giống (kg)	Số lượng bao chứa (bao)	Xử lý hóa chất (có/ không)	Khối lượng mẫu lấy (kg)	Ký hiệu mẫu	Điều kiện bảo quản mẫu	Ghi chú		
											Số lượng mẫu lấy	Mẫu gửi phòng thử nghiệm	Mẫu lưu tại cơ sở

Tôi …….. (người lấy mẫu) cam đoan việc lấy mẫu đã được tiến hành đúng theo phương pháp quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Lô gô (nếu có)

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Web:

Mã số:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Mã số thử nghiệm:

I. THÔNG TIN VỀ MẪU GIỐNG

Tên khách hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:

Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:

Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:

Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:

Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:

Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:

Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:

II. PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM: TCVN 8548:2011

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt cỏ dại và lúa cỏ (số hạt/kg)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Nảy mầm					Độ ẩm (% khối lượng)
			Số ngày kiểm tra	(% số hạt)				
				Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	Hạt chết	

IV. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (nếu có)

Các chỉ tiêu.... phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Các chỉ tiêu... không phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Ngày…...tháng……năm ……..

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

….., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM

Giới thiệu chung

Địa điểm:

Thời vụ:

1. Vật liệu

2. Phương pháp tiền kiểm/hậu kiểm

2.1. Bố trí thí nghiệm

2.2. Theo dõi và đánh giá

3. Kết quả

3.1. Về tính đúng giống

3.2. Về độ thuần của giống

4. Kết luận và đề nghị

4.1. Kết luận

- Về tính đúng giống

- Về độ thuần của giống

4.2. Đề nghị

Nơi nhận:
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Cơ quan QLNN yêu cầu hậu kiểm;
- Đơn vị có mẫu tiền kiểm, hậu kiểm;
- Lưu.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 05
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN *(nếu có)* **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/BCĐGHQ-.....	*……, ngày … tháng …. năm …..*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:.....
Địa chỉ, Điện thoại, Fax, Email, Website
2. Tên loài, tên giống cây trồng, cấp giống:
3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: .....
4. Mã lô giống được đánh giá sự phù hợp:
5. Kết quả đánh giá:
5.1. Kiểm định ruộng giống
- Ngày kiểm định:
- Địa điểm kiểm định: - Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định:
- Họ và tên người kiểm định: Điện thoại: Mã số:
- Đơn vị quản lý người kiểm định:
- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm
- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

5.2. Thử nghiệm mẫu
- Ngày lấy mẫu :
- Địa điểm lấy mẫu: - Khối lượng lô giống:
- Họ và tên người lấy mẫu: Điện thoại: Mã số/cccd/cc:
- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:
- Tên tổ chức thử nghiệm:
- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN…

6. Kết quả tiền kiểm, Các nội dung khác (nếu có):.....
7. Kết luận:
Lô giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số .....do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày tháng năm .
…(tổ chức, cá nhân)…. cam kết chất lượng lô giống…. phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO *(ký, ghi rõ họ tên)*	**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 06

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY LÔ GIỐNG

Lô gô (nếu có) **TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN**

Tên Tổ chức chứng nhận:
Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Website:
Mã số:

GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT
Số: ……../GCNHQ-

I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:
Chủ lô giống:
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:
Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:
Nơi sản xuất: Thời gian thu hoạch:
Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)
Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:
Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:
Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:
Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:
Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:
Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:
Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:
II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG (Trường hợp giống sản xuất trong nước):
Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018
Đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm) ……
Đơn vị kiểm định: ……
III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU:
Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011
- Mã số thử nghiệm mẫu:
- Mã số tổ chức thử nghiệm:
- Kết quả thử nghiệm:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Hạt cỏ dại và lúa cỏ (số hạt/kg)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Độ ẩm (% khối lượng)

IV. KẾT LUẬN:
Lô giống... cấp giống... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, ngày tháng năm.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 103:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG

National Technical Regulation on Seed Quality of Three-line Hybrid Rice

HÀ NỘI - 2025

Lời nói đầu

QCVN 103:2025/BNNMT do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo Thông tư số 93 /2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QCVN 103:2025/BNNMT thay thế QCVN 01-50: 2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45 /2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG

National Technical Regulation on Seed Quality of Three-line Hybrid Rice

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng thuộc loài *Oryza sativa* L. Mã HS: 1006.10.10 (Thông tư số 01/2024/TT-BNN&PTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024).

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và buôn bán hạt giống lúa lai ba dòng thuộc loài *Oryza sativa* L. tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1.3.1. Giải thích từ ngữ

- Giống lúa lai ba dòng: là giống lai giữa dòng bất dục đực di truyền tế bào chất (dòng CMS - còn gọi là dòng A) với dòng phục hồi hữu dục (dòng R). Dòng A được duy trì tính bất dục đực bởi dòng duy trì tương ứng (dòng B).

- Hạt giống tác giả: là hạt giống do tác giả chọn, tạo và ổn định về mặt di truyền.

- Hạt giống siêu nguyên chủng (SNC): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc được sản xuất từ hạt giống trong sản xuất theo quy trình sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng và đạt chất lượng theo quy định.

- Hạt giống nguyên chủng (NC): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống nguyên chủng và đạt chất lượng theo quy định.

- Hạt giống xác nhận (XN): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống xác nhận và đạt chất lượng theo quy định.

- Cỏ dại nguy hại: là những đối tượng cỏ dại tồn tại phổ biến ở ruộng sản xuất lúa, cạnh tranh nước, dinh dưỡng, ánh sáng với lúa; gây ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng phát triển, năng suất và chất lượng lúa gạo thương phẩm và hạt giống lúa.

- Lúa cỏ (*Oryza spp.)* là loài có những đặc điểm sinh học: thân cao và mảnh; sinh khối thân lá lớn; dễ rụng hạt; hạt có râu màu trắng, vàng hoặc đỏ; vỏ trấu và vỏ lụa thường có màu tùy thuộc từng biến thể hoặc kiểu sinh học.

- Tiền kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra tính đúng giống và độ thuần trước khi lô giống đó được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

- Hậu kiểm là việc gieo trồng mẫu của lô giống đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần.

- Lô hạt giống lúa: lượng hạt giống cụ thể có cùng nguồn gốc và mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng tối đa 30 tấn.

1.3.2. Chữ viết tắt

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia

1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 8547:2011 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.

- TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.

- TCVN 8550:2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

- Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về lưu mẫu giống cây trồng; kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu.

- Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hoá thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu chung

Ruộng sản xuất giống lúa lai ba dòng phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác, không có lúa chét và lúa mọc từ hạt rụng của vụ trước.

2.1.2. Yêu cầu về cách ly

Ruộng nhân dòng bố mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1 phải cách ly với với các ruộng trồng lúa khác ở xung quanh bằng một trong các phương pháp quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 - Yêu cầu về cách ly

Ruộng sản xuất giống	Phương pháp cách ly		
	Không gian	Thời gian	Vật cản
Dòng A	Ít nhất 300 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 20 ngày	Địa hình tự nhiên (đê, đồi, núi, …) hoặc hàng rào chắn cao ít nhất 5,0 m
Dòng B	Ít nhất 20 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Hàng rào chắn cao ít nhất 2,5 m và cách các ruộng lúa khác cùng trỗ 10 m.
Dòng R	Ít nhất 3 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Hàng rào chắn cao ít nhất 2,5 m và cách các ruộng lúa khác cùng trỗ 50 m.
F1	Ít nhất 100 m	Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày	Địa hình tự nhiên (đê, đồi, núi, …) hoặc hàng rào chắn cao ít nhất 5,0 m

2.1.3. Yêu cầu độ thuần giống

Ruộng nhân dòng và ruộng sản xuất hạt lai F1, tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống theo quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Yêu cầu độ thuần giống

Cấp giống, đơn vị tính	Ruộng nhân		Ruộng sản xuất hạt lai F1
	Dòng A/B	Dòng R	
Siêu nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	100	100	-
Nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn	99,9	99,9	-
Xác nhận, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	-	-
F1, % số cây, không nhỏ hơn			99,7

2.1.4. Độ bất dục đực của dòng A trên ruộng nhân dòng A

Tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt của dòng A phải đạt yêu cầu theo quy định tại Bảng 3.

Bảng 3 - Yêu cầu về tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly trên ruộng nhân dòng A

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận
Tỷ lệ hạt phấn hữu dục, % số hạt, không lớn hơn	0	0,1	0,5
Tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly, % số hạt, không lớn hơn	0	0,1	0,3

2.1.5. Cỏ dại và lúa cỏ

Cỏ dại và lúa cỏ trên ruộng nhân dòng và ruộng sản xuất hạt lai F1, tại mỗi lần kiểm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại Bảng 4.

Bảng 4 - Yêu cầu về cỏ dại và lúa cỏ

Chỉ tiêu	Ruộng nhân dòng mẹ			Ruộng nhân dòng bố		Ruộng sản xuất hạt lai F1
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	
Cỏ dại nguy hại [a] và lúa cỏ, số cây/100 m^2, không lớn hơn	0	1	3	0	2	5
Chú thích: *[a] Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crus-galli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa.glabrescens); cỏ đuôi phượng (Leptochloa chinensis).*						

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng phải đạt yêu cầu theo quy định tại Bảng 5.

Bảng 5 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu	Dòng A, B			Dòng R		Hạt lai F1
	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	Xác nhận	Siêu nguyên chủng	Nguyên chủng	
Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0	99,0
Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn	0	0,01	0,05	0	0,05	0,3
Hạt cỏ dại nguy hại [a] và lúa cỏ, số hạt/ kg, không lớn hơn	0	2	4	0	4	10
Tỷ lệ nẩy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	80	80	80	80	80	80
Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0	13,0
Chú thích: *Đối với hạt giống bố, mẹ các cấp không có hạt lúa cỏ; hạt lai F1 có hạt lúa cỏ tối đa 1 hạt/kg.* *[a] Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crus-galli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa.glabrescens); cỏ đuôi phượng (Leptochloa chinensis).*						

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống lúa lai ba dòng quy định tại mục 2.1 của quy chuẩn kỹ thuật này được kiểm định theo phương pháp quy định tại TCVN 8550:2018.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 3 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Lúa đẻ nhánh (10-20 ngày sau cấy hoặc 20-25 ngày sau gieo thẳng);

- Lần 2: Lúa trỗ khoảng 50%;

- Lần 3: Trước thu hoạch khoảng 10 ngày.

3.2. Phương pháp thử nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống lúa theo TCVN 8548:2011.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa quy định tại 2.2 của quy chuẩn kỹ thuật này được thử nghiệm theo phương pháp quy định tại TCVN 8548:2011.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Đánh giá sự phù hợp QCVN

4.1.1. Hình thức đánh giá

Đánh giá sự phù hợp QCVN thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.1.2. Phương thức đánh giá

- Đối với giống sản xuất trong nước: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đáp ứng các yêu cầu về kiểm định ruộng sản xuất lô giống quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Đối với giống nhập khẩu: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.9;

- Nội dung, trình tự, nguyên tắc sử dụng phương thức đánh giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

4.1.3. Các bước đánh giá lô giống

4.1.3.1. Đối với giống sản xuất trong nước như sau:

- Kiểm định ruộng giống theo quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định tại 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Tiền kiểm theo quy định tại 4.1.7.

4.1.3.2. Đối với giống nhập khẩu như sau:

- Đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận phù hợp QCVN theo quy định tại 4.1.9;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Tiền kiểm hoặc hậu kiểm theo quy định tại 4.1.7 hoặc 4.1.8.

4.1.4. Kiểm định ruộng giống

4.1.4.1. Kiểm định ruộng giống do người kiểm định được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.4.2. Biên bản kiểm định ruộng giống có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo quy chuẩn này và được lập tại lần kiểm định cuối cùng, số liệu kiểm định các lần trước đó được ghi chép và có xác nhận của người kiểm định và đại diện chủ lô ruộng giống.

4.1.5. Lấy mẫu và lưu mẫu giống

4.1.5.1. Lấy mẫu lô giống do người lấy mẫu được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu vật liệu nhân giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.5.2. Mỗi lô giống lấy 02 mẫu giống nhau, một mẫu gửi tổ chức thử nghiệm để phân tích, một mẫu lưu tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu lô giống đó. Đối với lô giống yêu cầu tiền kiểm hoặc hậu kiểm phải lấy thêm một mẫu (khối lượng tối thiểu 250 gram) để tiền kiểm hoặc hậu kiểm.

4.1.5.3. Biên bản lấy mẫu có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.5.4. Mẫu hạt giống phải được bảo quản trong điều kiện thích hợp ít nhất 06 tháng, kể từ ngày nhận mẫu.

4.1.6. Thử nghiệm mẫu giống

4.1.6.1. Thử nghiệm mẫu giống do tổ chức thử nghiệm thực hiện.

4.1.6.2. Phiếu kết quả thử nghiệm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.6.3. Đối với lô giống nhập khẩu có hạt nhuộm màu, thực hiện như sau:

- Phiếu kết quả thử nghiệm không ghi chỉ tiêu hạt khác giống có thể phân biệt được;

- Hậu kiểm theo quy định tại 4.1.8.

4.1.7. Tiền kiểm

4.1.7.1. Áp dụng khi dựa vào mức độ cách ly, tỷ lệ tự thụ phấn của dòng mẹ, tỷ lệ cây khác dạng, hạt khác giống có thể phân biệt được mà chưa khẳng định được tính đúng giống và độ thuần của lô giống trong quá trình kiểm định, thử nghiệm.

4.1.7.2. Báo cáo kết quả tiền kiểm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.7.3. Phương pháp tiền kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.8. Hậu kiểm

4.1.8.1. Hậu kiểm được tiến hành để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần của các lô giống lúa nhập khẩu có hạt nhuộm màu.

4.1.8.2. Hậu kiểm do tổ chức chứng nhận sự phù hợp thực hiện.

4.1.8.3. Phương pháp hậu kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.8.4. Báo cáo kết quả hậu kiểm theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.9. Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN gồm: tên giống, cấp giống, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng, nước sản xuất; hợp đồng mua bán hạt giống; hóa đơn (Invoice), Tờ khai hải quan, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm).

4.2. Tự đánh giá sự phù hợp QCVN

4.2.1. Trình tự đánh giá sự phù hợp QCVN theo quy định tại mục 4.1.3.1.

4.2.2. Căn cứ kết quả kiểm định lô ruộng giống, lấy mẫu lô giống, thử nghiệm mẫu giống, kết quả tiền kiểm (nếu có), tổ chức, cá nhân sản xuất giống lập Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN của lô giống theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.3. Chứng nhận sự phù hợp QCVN

4.3.1. Chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống lúa lai ba dòng thực hiện theo quy định tại mục 4.1.3.

4.3.2. Trường hợp lô hạt dòng bố, mẹ giống lúa lai ba dòng đăng ký sản xuất là hạt giống siêu nguyên chủng nhưng chỉ đạt chất lượng ở cấp nguyên chủng thì được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật ở cấp nguyên chủng nếu chủ lô giống có đề nghị bằng văn bản. Trường hợp lô hạt dòng mẹ giống lúa lai ba dòng đăng ký sản xuất là hạt giống nguyên chủng nhưng chỉ đạt chất lượng ở cấp xác nhận thì được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật ở cấp xác nhận nếu chủ lô giống có đề nghị bằng văn bản.

4.3.2. Trường hợp lô giống phải thực hiện hậu kiểm, Tổ chức chứng nhận sự phù hợp QCVN thực hiện như sau:

- Cấp giấy chứng nhận hợp quy khi chủ lô giống có văn bản cam kết đảm bảo đúng giống;

- Thực hiện hậu kiểm theo quy định tại 4.1.8.

4.3.4. Giấy chứng nhận hợp quy có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.4. Công bố hợp quy

Công bố hợp quy thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.5. Hồ sơ chất lượng lô giống

4.5.1. Hồ sơ chất lượng lô giống được đánh giá tại tổ chức chứng nhận sự phù hợp

4.5.1.1. Lô giống sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Kết quả tiền kiểm (nếu có); Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống.

4.5.1.2. Lô giống nhập khẩu: Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.9 và Biên bản lấy mẫu; Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống nhập khẩu, kết quả hậu kiểm (nếu có).

4.5.1.3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.5.2. Hồ sơ chất lượng lô giống do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự đánh giá gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp

QCVN lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Kết quả tiền kiểm (nếu có); Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống, hồ sơ công bố sự phù hợp QCVN và thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

4.5.3. Lưu hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1 và 4.5.2;

- Tổ chức chứng nhận hợp quy lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1.1 và 4.5.1.2;

- Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng lưu hồ sơ chất lượng lô giống gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống; thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.6. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy:

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.7. Quy định chuyển tiếp

- Đối với lô giống đã được đánh giá sự phù hợp hoặc chứng nhận sự phù hợp theo QCVN 01-50:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn sử dụng của lô giống kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

- Với bao bì đã in ghi nhãn theo QCVN 01-50:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được phép sử dụng tiếp 24 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

V. TRÁNH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hạt giống lúa lai ba dòng tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về giống cây trồng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn viện dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

Phụ lục 01
BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng .....năm ....

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG
Số: /BBKĐ-

- Tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC người kiểm định:
- Đơn vị công tác (nếu có):
- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

A. Thông tin chung:

1. Chủ lô ruộng giống:
- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

2. Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Mã lô ruộng giống:

5. Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định: ha/dòng

6. Nguồn giống (giống đời trước):

a. Đối với sản xuất siêu nguyên chủng:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng:
- G2: Tổ chức kiểm định G1: - Số Biên bản kiểm định G1:

b. Đối với sản xuất nguyên chủng, xác nhận:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng: - Mã hiệu lô giống:
- Tổ chức chứng nhận sự phù hợp/Tổ chức tự đánh giá sự phù hợp:
- Mã số Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp: - Ngày cấp/lập:

7. Cây trồng vụ trước:

8. Thời kỳ kiểm định:

9. Lần kiểm định:

B. Kết quả kiểm định: Phương pháp kiểm định: TCVN 8550:2018

+ Lần 1:

+ Lần 2:

.....

C. Kết luận:

- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha/dòng;
- Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định kiểm định không phù hợp QCVN: ha/ dòng:

D. YÊU CẦU KHÁC

ĐẠI DIỆN CHỦ LÔ RUỘNG GIỐNG *(Ký tên, đóng dấu nếu có)*	**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 02

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

Số ...../BBLM-.....

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống……

- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

Địa điểm lấy mẫu: .....
Họ tên người lấy mẫu: .....Mã số/ Số CCCD/CC: .....
Đơn vị công tác (nếu có): ……..
Ngày/tháng/năm lấy mẫu: ..... Phương pháp lấy mẫu: .....

TT	Loài cây trồng	Tên giống	Cấp giống	Mã hiệu lô giống	Khối lượng lô giống (kg)	Số lượng bao chứa (bao)	Xử lý hóa chất (có/ không)	Khối lượng mẫu lấy (kg)	Ký hiệu mẫu	Điều kiện bảo quản mẫu	Ghi chú		
											Số lượng mẫu lấy	Mẫu gửi phòng thử nghiệm	Mẫu lưu tại cơ sở

Tôi …….. (người lấy mẫu) cam đoan việc lấy mẫu đã được tiến hành đúng theo phương pháp quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Lô gô (nếu có) **TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM**

Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Web:

Mã số:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Mã số thử nghiệm:

I. THÔNG TIN VỀ MẪU GIỐNG

Tên khách hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:

Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:

Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:

Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:

Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:

Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:

Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:

II. PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM: TCVN 8548:2011

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt cỏ dại và lúa cỏ (số hạt/kg)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Nảy mầm					Độ ẩm (% khối lượng)
			Số ngày kiểm tra	(% số hạt)				
				Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	Hạt chết	

IV. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (nếu có)

Các chỉ tiêu.... phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Các chỉ tiêu... không phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Ngày…..tháng……năm ……..

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

….., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM

Giới thiệu chung

Địa điểm:

Thời vụ:

1. Vật liệu

2. Phương pháp tiền kiểm/hậu kiểm

2.1. Bố trí thí nghiệm

2.2. Theo dõi và đánh giá

3. Kết quả

3.1. Về tính đúng giống

3.2. Về độ thuần của giống

4. Kết luận và đề nghị

4.1. Kết luận

- Về tính đúng giống

- Về độ thuần của giống

4.2. Đề nghị

Nơi nhận:
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Cơ quan QLNN yêu cầu hậu kiểm;
- Đơn vị có mẫu tiền kiểm, hậu kiểm;
- Lưu.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 05
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN *(nếu có)* **TÊN TỔ CHỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/BCĐGHQ-.....	*……., ngày … tháng …. năm …..*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:.....
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email: Website:
2. Tên loài, tên giống cây trồng, cấp giống:
3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: .....
4. Mã lô giống được đánh giá sự phù hợp:
5. Kết quả đánh giá:
5.1. Kiểm định ruộng giống
- Ngày kiểm định:
- Địa điểm kiểm định: - Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định:
- Họ và tên người kiểm định: Điện thoại: Mã số:
- Đơn vị quản lý người kiểm định:
- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm
- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

5.2. Thử nghiệm mẫu
- Ngày lấy mẫu:
- Địa điểm lấy mẫu: - Khối lượng lô giống:
- Họ và tên người lấy mẫu: Điện thoại: Mã số/cccd/cc:
- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:
- Tên tổ chức thử nghiệm:
- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN…

6. Kết quả tiền kiểm, Các nội dung khác (nếu có):.....
7. Kết luận:
Lô giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày tháng năm .
… (tổ chức, cá nhân) …. cam kết chất lượng lô giống…. phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO *(ký, ghi rõ họ tên)*	**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 06

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY LÔ GIỐNG

Lô gô (nếu có) **TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN**

Tên Tổ chức chứng nhận:
Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Website:
Mã số:

GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT
Số: ……../GCNHQ-

I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:
Chủ lô giống:
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:
Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:
Nơi sản xuất: Thời gian thu hoạch:
Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)
Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:
Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:
Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:
Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:
Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:
Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:
Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:
II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG (Trường hợp giống sản xuất trong nước):
Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018
Đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm) ……
Đơn vị kiểm định: ……
III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU:
Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011
- Mã số thử nghiệm mẫu:
- Mã số tổ chức thử nghiệm:
- Kết quả thử nghiệm:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt cỏ dại và lúa cỏ (số hạt/kg)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Độ ẩm (% khối lượng)

IV. KẾT LUẬN:
Lô giống... cấp giống... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, ngày tháng năm.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 104:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ LAI

National Technical Regulation on Seed Quality of Hybrid Maize

HÀ NỘI - 2025

Lời nói đầu

QCVN 104:2025/BNNMT do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo Thông tư số 93 /2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QCVN 104:2025/BNNMT thay thế QCVN 01-53: 2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ LAI

National Technical Regulation on Seed Quality of Hybrid Maize

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với chất lượng hạt giống ngô lai thuộc loài *Zea mays* L. Mã HS: 1005.10.00 (Thông tư số 01/2024/TT-BNN&PTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024).

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và buôn bán hạt giống ngô lai thuộc loài *Zea mays* L. tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1.3.1. Giải thích từ ngữ

- Dòng thuần: là dòng tự thụ phấn đạt đến mức đồng nhất về di truyền hay dòng đơn bội kép.

- Giống ngô lai: là giống ngô được tạo thành do quá trình lai giữa bố, mẹ là hai dòng thuần (lai đơn) hoặc lai giữa bố, mẹ là một dòng thuần và một lai đơn (lai ba) hoặc lai giữa bố, mẹ là hai lai đơn (lai kép).

- Tiền kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra tính đúng giống và độ thuần trước khi lô giống đó được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc trước khi lập báo cáo đánh giá hợp quy.

- Lô hạt giống ngô: lượng hạt giống cụ thể có cùng nguồn gốc và mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng tối đa 40 tấn.

1.3.2. Chữ viết tắt

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia.

1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 8547:2011 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.

- TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.

- TCVN 8550:2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

- Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về lưu mẫu giống cây trồng; kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu.

- Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hoá thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu chung

Ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1 phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác.

2.1.2. Yêu cầu về cách ly

Ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1 phải cách ly với các ruộng trồng ngô khác bằng một trong các phương pháp quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 - Yêu cầu cách ly

Phương pháp, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng bố, mẹ	Ruộng sản xuất hạt lai F_1
1. Cách ly không gian, không nhỏ hơn, m - Giữa ruộng giống với các ruộng ngô khác - Giữa các ruộng sản xuất hạt lai F1 có chung bố	500 -	300 5
2. Cách ly thời gian	Thời điểm phun râu của cây mẹ trong ruộng giống phải chênh lệch so với thời điểm tung phấn của các ruộng ngô khác ít nhất 20 ngày.	

2.1.3. Yêu cầu độ thuần ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1

Ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1, tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống theo quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Yêu cầu độ thuần ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ và ruộng sản xuất hạt lai F1

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Ruộng nhân dòng bố, dòng mẹ	Ruộng sản xuất hạt lai F1	
		Lai đơn	Lai ba, lai kép
1. Độ thuần bố, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	99,5	99,0
2. Độ thuần mẹ, % số cây, không nhỏ hơn	99,7	99,5	99,0
3. Số cây mẹ chưa khử hết cờ đang tung phấn tại lần kiểm định 3, % số cây, không lớn hơn	-	0,5	0,5

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Các chỉ tiêu chất lượng hạt lai F1 phải đáp ứng theo quy định tại Bảng 3.

Bảng 3 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu	Dòng bố, mẹ	Hạt lai F_1
1. Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0
2. Tỷ lệ nẩy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn [a]	85	85
3. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	11,5	11,5
Chú thích: [a] Đối với ngô đường, tỷ lệ nảy mầm không nhỏ hơn 80%		

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống ngô lai quy định tại 2.1 của quy chuẩn kỹ thuật này được kiểm định theo phương pháp quy định tại TCVN 8550:2018.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 4 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Khi cây được 5 lá đến 7 lá;

- Lần 2: Khi có 1% đến 5% số cây mẹ phun râu;

- Lần 3: Khi có khoảng 70% số cây mẹ phun râu;

- Lần 4: Trước khi thu hoạch từ 5 - 15 ngày.

3.2. Phương pháp thử nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống ngô lai theo TCVN 8548:2011.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống ngô lai quy định tại 2.2 của quy chuẩn kỹ thuật này được thử nghiệm theo phương pháp quy định tại TCVN 8548:2011.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Đánh giá sự phù hợp QCVN

4.1.1. Hình thức đánh giá

Đánh giá sự phù hợp QCVN thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.1.2. Phương thức đánh giá

- Đối với giống sản xuất trong nước: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đáp ứng các yêu cầu về kiểm định ruộng sản xuất lô giống quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Đối với giống nhập khẩu: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.8.

- Nội dung, trình tự, nguyên tắc sử dụng phương thức đánh giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

4.1.3. Các bước đánh giá lô giống

4.1.3.1. Đối với giống sản xuất trong nước như sau:

- Kiểm định ruộng giống theo quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định tại 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Tiền kiểm theo quy định tại 4.1.7

4.1.3.2. Đối với giống nhập khẩu như sau:

- Đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận phù hợp QCVN theo quy định tại 4.1.8;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6.

4.1.4. Kiểm định ruộng giống

4.1.4.1. Kiểm định ruộng giống do người kiểm định được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.4.2. Biên bản kiểm định ruộng giống có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo quy chuẩn này và được lập tại lần kiểm định cuối cùng, số liệu kiểm định các lần trước đó được ghi chép có xác nhận của người kiểm định và đại diện chủ lô ruộng giống.

4.1.5. Lấy mẫu và lưu mẫu giống

4.1.5.1. Lấy mẫu lô giống do người lấy mẫu được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu vật liệu nhân giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.5.2. Mỗi lô giống lấy 02 mẫu giống nhau, một mẫu gửi tổ chức thử nghiệm để phân tích, một mẫu lưu tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu lô giống đó. Đối với lô giống yêu cầu tiền kiểm phải lấy thêm một mẫu (khối lượng tối thiểu 250 gram) để tiền kiểm.

4.1.5.3. Biên bản lấy mẫu có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.5.4. Mẫu hạt giống phải được bảo quản trong điều kiện thích hợp ít nhất 06 tháng, kể từ ngày nhận mẫu.

4.1.6. Thử nghiệm mẫu giống

4.1.6.1. Thử nghiệm mẫu giống do tổ chức thử nghiệm thực hiện.

4.1.6.2. Phiếu kết quả thử nghiệm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.7. Tiền kiểm

4.1.7.1. Áp dụng khi dựa vào mức độ cách ly, tỷ lệ cây khác dạng mà chưa khẳng định được tính đúng giống và độ thuần của lô giống trong quá trình kiểm định.

4.1.7.2. Phương pháp tiền kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.7.3. Báo cáo kết quả tiền kiểm theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.8. Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN gồm: tên giống, cấp giống, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng, nước sản xuất; hợp đồng mua bán hạt giống; hóa đơn (Invoice), Tờ khai hải quan, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm).

4.2. Tự đánh giá sự phù hợp QCVN

4.2.1. Trình tự đánh giá sự phù hợp QCVN theo quy định tại mục 4.1.3.1.

4.2.2. Căn cứ kết quả kiểm định lô ruộng giống, lấy mẫu lô giống, thử nghiệm mẫu giống, tổ chức, cá nhân sản xuất giống lập Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN của lô giống theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.3. Chứng nhận sự phù hợp QCVN

Chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống ngô lai thực hiện theo quy định tại mục 4.1.3.

4.4. Công bố hợp quy

Công bố hợp quy thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.5. Hồ sơ chất lượng lô giống

4.5.1. Hồ sơ chất lượng lô giống được đánh giá tại tổ chức chứng nhận sự phù hợp

4.5.1.1. Lô giống sản xuất trong nước: Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Kết quả tiền kiểm (nếu có); Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống.

4.5.1.2. Lô giống nhập khẩu: Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.8 và Biên bản lấy mẫu; Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống nhập khẩu.

4.5.1.3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.5.2. Hồ sơ chất lượng lô giống do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự đánh giá gồm: Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Báo cáo kết quả tiền kiểm (nếu có); Báo cáo đánh giá hợp quy lô giống, hồ sơ công bố hợp quy và thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

4.5.3. Lưu hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1 và 4.5.2;

- Tổ chức chứng nhận sự phù hợp QCVN lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1.1 và 4.5.1.2;

- Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng lưu hồ sơ chất lượng lô giống gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống; thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.6. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy:

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

4.7. Quy định chuyển tiếp

- Đối với lô giống đã được đánh giá sự phù hợp hoặc chứng nhận sự phù hợp theo QCVN 01-53:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn sử dụng của lô giống kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

- Với bao bì đã in ghi nhãn theo QCVN 01-53:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được phép sử dụng tiếp 24 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

V. TRÁNH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hạt giống ngô lai tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về giống cây trồng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn viện dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

Phụ lục 01
BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng .....năm ....

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG CÂY TRỒNG
Số: /BBKĐ-

- Tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC người kiểm định:
- Đơn vị công tác (nếu có):
- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

A. Thông tin chung:

1. Chủ lô ruộng giống:
- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

2. Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Mã lô ruộng giống:

5. Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định: ha/dòng

6. Nguồn giống (giống đời trước):

a. Đối với sản xuất siêu nguyên chủng:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng:

b. Đối với sản xuất nguyên chủng, xác nhận:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng: - Mã hiệu lô giống:
- Tổ chức chứng nhận hợp quy/Tổ chức tự đánh giá sự phù hợp:
- Mã số Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp: - Ngày cấp/lập:

7. Cây trồng vụ trước:

8. Thời kỳ kiểm định:

9. Lần kiểm định:

B. Kết quả kiểm định: (các chỉ tiêu đánh giá tại từng lần kiểm định theo QCVN)

Phương pháp kiểm định: TCVN 8550:2018

+ Lần 1:

+ Lần 2:

.....

C. Kết luận:
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha/dòng;
- Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định không phù hợp QCVN: ha/dòng:

D. YÊU CẦU KHÁC

ĐẠI DIỆN CHỦ LÔ RUỘNG GIỐNG *(Ký tên, đóng dấu nếu có)*	**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 02

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

Số ...../BBLM-.....

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống……

- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

Địa điểm lấy mẫu: .....
Họ tên người lấy mẫu: .....Mã số/Số CCCD/CC: .....
Đơn vị công tác (nếu có): ……..
Ngày/tháng/năm lấy mẫu: ..... Phương pháp lấy mẫu: .....

TT	Loài cây trồng	Tên giống	Cấp giống	Mã hiệu lô giống	Khối lượng lô giống (kg)	Số lượng bao chứa (bao)	Xử lý hóa chất (có/ không)	Khối lượng mẫu lấy (kg)	Ký hiệu mẫu	Điều kiện bảo quản mẫu	Ghi chú		
											Số lượng mẫu lấy	Mẫu gửi phòng thử nghiệm	Mẫu lưu tại cơ sở

Tôi …….. (người lấy mẫu) cam đoan việc lấy mẫu đã được tiến hành đúng theo phương pháp quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Lô gô (nếu có)

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Web:

Mã số:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Mã số thử nghiệm:

I. THÔNG TIN VỀ MẪU GIỐNG

Tên khách hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:

Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:

Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:

Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:

Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:

Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:

Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:

II. PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM: TCVN 8548:2011

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Độ sạch (% khối lượng)	Nảy mầm					Độ ẩm (% khối lượng)
	Số ngày kiểm tra	(% số hạt)				
		Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	Hạt chết	

IV. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (nếu có)

Các chỉ tiêu.... phù sự phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Các chỉ tiêu... không phù sự phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Ngày……. tháng……năm ……..

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TIỀN KIỂM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

….., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM

Giới thiệu chung

Địa điểm:

Thời vụ:

1. Vật liệu

2. Phương pháp tiền kiểm: TCVN 8547:2011

2.1. Bố trí thí nghiệm

2.2. Theo dõi và đánh giá

3. Kết quả

3.1. Về tính đúng giống

3.2. Về độ thuần của giống

4. Kết luận và đề nghị

4.1. Kết luận

- Về tính đúng giống

- Về độ thuần của giống

4.2. Đề nghị

Nơi nhận:
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Đơn vị có mẫu tiền kiểm;
- Lưu.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 05
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN *(nếu có)* **TÊN TỔ CHỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/BCĐGHQ-.....	*……., ngày … tháng …. năm …..*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:.....
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email: Website:
2. Tên loài, tên giống cây trồng, cấp giống:
3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: .....
4. Mã lô giống được đánh giá sự phù hợp:
5. Kết quả đánh giá:
5.1. Kiểm định ruộng giống
- Ngày kiểm định:
- Địa điểm kiểm định: - Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định:
- Họ và tên người kiểm định: Điện thoại: Mã số:
- Đơn vị quản lý người kiểm định:
- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm
- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

5.2. Thử nghiệm mẫu
- Ngày lấy mẫu:
- Địa điểm lấy mẫu: - Khối lượng lô giống:
- Họ và tên người lấy mẫu: Điện thoại: Mã số/cccd/cc:
- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:
- Tên tổ chức thử nghiệm:
- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN …

6. Kết quả các nội dung khác (nếu có): .....
7. Kết luận:
Lô giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù sự phù hợp chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày tháng năm.
… (tổ chức, cá nhân) …. cam kết chất lượng lô giống…. phù sự phù hợp chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO *(ký, ghi rõ họ tên)*	**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 06

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY LÔ GIỐNG

Lô gô (nếu có) **TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN**

Tên Tổ chức chứng nhận:
Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Website:
Mã số:

GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT
Số: …….. /GCNHQ-

I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:
Chủ lô giống:
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:
Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:
Nơi sản xuất: Thời gian thu hoạch:
Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)
Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:
Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:
Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:
Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:
Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:
Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:
Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:
II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG (Trường hợp giống sản xuất trong nước):
Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018
Đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm) ……
Đơn vị kiểm định: ……
III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU:
Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011
- Mã số thử nghiệm mẫu:
- Mã số tổ chức thử nghiệm:
- Kết quả thử nghiệm:

Độ sạch (% khối lượng)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Độ ẩm (% khối lượng)

IV. KẾT LUẬN:
Lô giống... cấp giống... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, ngày tháng năm.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 105:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ THỤ PHẤN TỰ DO

National Technical Regulation on Seed Quality of Open Pollilated Maize

HÀ NỘI - 2025

Lời nói đầu

QCVN 105:2025/BNNMT do Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo Thông tư số 93 /2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QCVN 105:2025/BNNMT thay thế QCVN 01-47: 2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ THỤ PHẤN TỰ DO

National Technical Regulation on Seed Quality of Open Pollilated Maize

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do thuộc loài *Zea mays* L. Mã HS: 1005.10.00 (Thông tư số 01/2024/TT-BNN&PTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024).

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, nhập khẩu và buôn bán hạt giống ngô thụ phấn tự do thuộc loài *Zea mays* L. tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1.3.1. Giải thích từ ngữ

- Giống ngô thụ phấn tự do: là giống ngô được tạo thành do quá trình thụ phấn tự do giữa một số giống ngô, tạo ra một quần thể tương đối đồng nhất, có tính khác biệt và ổn định.

- Hạt giống tác giả: là hạt giống do tác giả chọn tạo và ổn định về mặt di truyền.

- Hạt giống nguyên chủng (NC): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống nguyên chủng và đạt chất lượng theo quy định.

- Hạt giống xác nhận (XN): là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng theo quy trình sản xuất hạt giống xác nhận và đạt chất lượng theo quy định.

- Tiền kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra tính đúng giống và độ thuần trước khi lô giống đó được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc trước khi lập báo cáo đánh giá hợp quy.

- Hậu kiểm: là việc gieo trồng mẫu của lô giống đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật trên ô thí nghiệm đồng ruộng để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần.

- Lô hạt giống ngô: lượng hạt giống cụ thể có cùng nguồn gốc và mức chất lượng, được sản xuất, chế biến, bảo quản cùng một quy trình, có thể nhận biết được một cách dễ dàng và có khối lượng tối đa 40 tấn.

1.3.2. Chữ viết tắt

- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia.

1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 8547:2011 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.

- TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.

- TCVN 8550:2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

- Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về lưu mẫu giống cây trồng; kiểm định ruộng giống, lấy mẫu vật liệu nhân giống cây trồng; kiểm tra nhà nước về chất lượng giống cây trồng nhập khẩu.

- Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hoá thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu chung

Ruộng sản xuất giống ngô thụ phấn tự do phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác.

2.1.2. Yêu cầu về cách ly

Ruộng sản xuất giống ngô thụ phấn tự do phải cách ly với các ruộng trồng ngô khác bằng một trong các phương pháp quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 - Yêu cầu cách ly

Phương pháp, đơn vị tính	Giống nguyên chủng	Giống xác nhận
1. Cách ly không gian, m, không nhỏ hơn	500	300
2. Cách ly thời gian	Thời điểm phun râu của ruộng ngô giống phải chênh lệch so với thời điểm tung phấn của các ruộng ngô khác ít nhất 20 ngày	

2.1.3. Yêu cầu độ thuần giống

Tại mỗi lần kiểm định, ruộng sản xuất giống ngô thụ phấn tự do phải đạt độ thuần giống theo quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Yêu cầu độ thuần giống

Chỉ tiêu, đơn vị tính	Giống nguyên chủng	Giống xác nhận
Độ thuần giống, % số cây, không nhỏ hơn	99,5	99,0

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do phải đáp ứng theo quy định tại Bảng 3.

Bảng 3 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chỉ tiêu	Hạt giống nguyên chủng	Hạt giống xác nhận
1. Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn	99,0	99,0
2. Hạt khác giống có thể phân biệt được, số hạt/kg, không lớn hơn	20	40
3. Tỷ lệ nẩy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn	85	85
4. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	12,0	12,0

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống ngô thụ phấn tự do quy định tại 2.1 của quy chuẩn kỹ thuật này được kiểm định theo phương pháp quy định tại TCVN 8550:2018.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 3 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Khi ngô được 7 lá đến 9 lá;

- Lần 2: Khi ngô bắt đầu phun râu;

- Lần 3: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 7 ngày.

3.2. Phương pháp thử nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống ngô thụ phấn tự do theo TCVN 8548:2011.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do quy định tại 2.2 của quy chuẩn kỹ thuật này được thử nghiệm theo phương pháp quy định tại TCVN 8548:2011.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Đánh giá sự phù hợp QCVN

4.1.1. Hình thức đánh giá

Đánh giá sự phù hợp QCVN thực hiện theo quy định pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.1.2. Phương thức đánh giá

- Đối với giống sản xuất trong nước: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đáp ứng các yêu cầu về kiểm định ruộng sản xuất lô giống quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Đối với giống nhập khẩu: áp dụng theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN sau khi đã đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.9;

- Nội dung, trình tự, nguyên tắc sử dụng phương thức đánh giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

4.1.3. Các bước đánh giá lô giống

4.1.3.1. Đối với giống sản xuất trong nước như sau:

- Kiểm định ruộng giống theo quy định tại 3.1 và 4.1.4;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định tại 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Tiền kiểm theo quy định tại 4.1.7.

4.1.3.2. Đối với giống nhập khẩu như sau:

- Đánh giá hồ sơ đăng ký chứng nhận phù hợp QCVN theo quy định tại 4.1.9;

- Lấy mẫu lô giống theo quy định 3.2.1 và 4.1.5;

- Thử nghiệm mẫu giống theo quy định tại 3.2.2 và 4.1.6;

- Hậu kiểm theo quy định tại 4.1.8.

4.1.4. Kiểm định ruộng giống

4.1.4.1. Kiểm định ruộng giống do người kiểm định được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ kiểm định ruộng giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.4.2. Biên bản kiểm định ruộng giống có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo quy chuẩn này và được lập tại lần kiểm định cuối cùng, số liệu kiểm định các lần trước đó được ghi chép có xác nhận của người kiểm định và đại diện chủ lô ruộng giống.

4.1.5. Lấy mẫu và lưu mẫu giống

4.1.5.1. Lấy mẫu lô giống do người lấy mẫu được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu vật liệu nhân giống theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BNNPTNT thực hiện.

4.1.5.2. Mỗi lô giống lấy 02 mẫu giống nhau, một mẫu gửi tổ chức thử nghiệm để phân tích, một mẫu lưu tại cơ sở sản xuất, nhập khẩu lô giống đó. Đối với lô giống yêu cầu tiền kiểm, hậu kiểm phải lấy thêm một mẫu (khối lượng tối thiểu 250 gram) để tiền kiểm, hậu kiểm.

4.1.5.3. Biên bản lấy mẫu có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.5.4. Mẫu hạt giống phải được bảo quản trong điều kiện thích hợp ít nhất 06 tháng, kể từ ngày nhận mẫu.

4.1.6. Thử nghiệm mẫu giống

4.1.6.1. Thử nghiệm mẫu giống do tổ chức thử nghiệm thực hiện.

4.1.6.2. Phiếu kết quả thử nghiệm có nội dung theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.7. Tiền kiểm

4.1.7.1. Áp dụng khi dựa vào mức độ cách ly, tỷ lệ cây khác dạng mà chưa khẳng định được tính đúng giống và độ thuần của lô giống trong quá trình kiểm định.

4.1.7.2. Phương pháp tiền kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.7.3. Báo cáo kết quả tiền kiểm theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.8. Hậu kiểm

4.1.8.1. Hậu kiểm được tiến hành để kiểm tra lại tính đúng giống và độ thuần của các lô giống ngô thụ phấn tự do nhập khẩu có hạt nhuộm màu.

4.1.8.2. Hậu kiểm do tổ chức chứng nhận sự phù hợp thực hiện.

4.1.8.3. Phương pháp hậu kiểm theo TCVN 8547:2011.

4.1.8.4. Báo cáo kết quả hậu kiểm theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.1.9. Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN gồm: tên giống, cấp giống, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng, nước sản xuất; hợp đồng mua bán hạt giống; hóa đơn (Invoice), Tờ khai hải quan, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO); chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm).

4.2. Tự đánh giá sự phù hợp QCVN

4.2.1. Trình tự đánh giá sự phù hợp QCVN theo quy định tại mục 4.1.3.1.

4.2.2. Căn cứ kết quả kiểm định lô ruộng giống, lấy mẫu lô giống, thử nghiệm mẫu giống, tổ chức, cá nhân sản xuất giống lập Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN của lô giống theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo quy chuẩn này.

4.3. Chứng nhận sự phù hợp QCVN

Chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống ngô thụ phấn tự do thực hiện theo quy định tại mục 4.1.3.

4.4. Công bố hợp quy

Công bố hợp quy thực hiện theo quy định pháp luật tiêu về chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.5. Hồ sơ chất lượng lô giống

4.5.1. Hồ sơ chất lượng lô giống được đánh giá tại tổ chức chứng nhận sự phù hợp

4.5.1.1. Lô giống sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống đời trước (trừ cấp siêu nguyên chủng); Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Kết quả tiền kiểm (nếu có); Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống.

4.5.1.2. Lô giống nhập khẩu: Hồ sơ đăng ký chứng nhận sự phù hợp QCVN quy định tại 4.1.9 và Biên bản lấy mẫu; Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN lô giống nhập khẩu; kết quả hậu kiểm (nếu có).

4.5.1.3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.5.2. Hồ sơ chất lượng lô giống do tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng tự đánh giá gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống đời trước; Biên bản kiểm định; Biên bản lấy mẫu; Kết quả thử nghiệm mẫu của lô giống; Kết quả tiền kiểm/hậu kiểm (nếu có); Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống, hồ sơ công bố sự phù hợp QCVN và thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống.

4.5.3. Lưu hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1 và 4.5.2;

- Tổ chức chứng nhận sự phù hợp QCVN lưu hồ sơ chất lượng lô giống theo quy định tại 4.5.1.1 và 4.5.1.2;

- Tổ chức, cá nhân buôn bán giống cây trồng lưu hồ sơ chất lượng lô giống gồm: Giấy chứng nhận sự phù hợp QCVN/Báo cáo đánh giá sự phù hợp QCVN lô giống; thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy của giống theo từng cấp giống (đối với giống sản xuất trong nước).

4.6. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy:

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

4.7. Quy định chuyển tiếp

- Đối với lô giống đã được đánh giá sự phù hợp hoặc chứng nhận sự phù hợp theo QCVN 01-47:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn sử dụng của lô giống kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

- Với bao bì đã in ghi nhãn theo QCVN 01-47:2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011 được phép sử dụng tiếp 24 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

V. TRÁNH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ

thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, buôn bán hạt giống ngô thụ phấn tự do tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về giống cây trồng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn viện dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Phụ lục 01
BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng .....năm ....

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG CÂY TRỒNG
Số: /BBKĐ-

- Tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC người kiểm định:
- Đơn vị công tác (nếu có):
- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

A. Thông tin chung:

1. Chủ lô ruộng giống:
- Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

2. Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Mã lô ruộng giống:

5. Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định: ha/dòng

6. Nguồn giống (giống đời trước):

a. Đối với sản xuất siêu nguyên chủng:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng:
- G2: Tổ chức kiểm định G1: - Số Biên bản kiểm định G1:

b. Đối với sản xuất nguyên chủng, xác nhận:
- Tổ chức, cá nhân sản xuất & cung ứng: - Mã hiệu lô giống:
- Tổ chức chứng nhận hợp quy/Tổ chức tự đánh giá sự phù hợp:
- Mã số Giấy chứng nhận hợp quy/Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp: - Ngày cấp/lập:

7. Cây trồng vụ trước:

8. Thời kỳ kiểm định:

9. Lần kiểm định:

B. Kết quả kiểm định: (các chỉ tiêu đánh giá tại từng lần kiểm định theo QCVN)

Phương pháp kiểm định: TCVN 8550:2018

+ Lần 1:

+ Lần 2:

.....

C. Kết luận:
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha/dòng;
- Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):
- Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định không phù hợp QCVN: ha/dòng:

D. YÊU CẦU KHÁC

ĐẠI DIỆN CHỦ LÔ RUỘNG GIỐNG *(Ký tên, đóng dấu nếu có)*	**NGƯỜI KIỂM ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 02
BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BIÊN BẢN LẤY MẪU GIỐNG CÂY TRỒNG

Số ...../BBLM-.....

Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu giống……

- Địa chỉ : Điện thoại : Fax: E-mail:

Địa điểm lấy mẫu: .....
Họ tên người lấy mẫu: .....Mã số/Số CCCD/CC: .....
Đơn vị công tác (nếu có): ……..
Ngày/tháng/năm lấy mẫu: ..... Phương pháp lấy mẫu: .....

TT	Loài cây trồng	Tên giống	Cấp giống	Mã hiệu lô giống	Khối lượng lô giống (kg)	Số lượng bao chứa (bao)	Xử lý hóa chất (có/ không)	Khối lượng mẫu lấy (kg)	Ký hiệu mẫu	Điều kiện bảo quản mẫu	Ghi chú		
											Số lượng mẫu lấy	Mẫu gửi phòng thử nghiệm	Mẫu lưu tại cơ sở

Tôi …….. (người lấy mẫu) cam đoan việc lấy mẫu đã được tiến hành đúng theo phương pháp quy định.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Lô gô (nếu có)

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Web:

Mã số:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU HẠT GIỐNG

Mã số thử nghiệm:

I. THÔNG TIN VỀ MẪU GIỐNG

Tên khách hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:

Nơi sản xuất:

Thời gian thu hoạch:

Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)

Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:

Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:

Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:

Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:

Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:

Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:

Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:

II. PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM: TCVN 8548:2011

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (số hạt/kg)	Nảy mầm					Độ ẩm (% khối lượng)
		Số ngày kiểm tra	(% số hạt)				
			Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	Hạt chết	

IV. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (nếu có)

Các chỉ tiêu.... phù sự phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Các chỉ tiêu... không phù sự phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật số...

Ngày……. tháng……năm ……..

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM

TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

….., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIỀN KIỂM/HẬU KIỂM

Giới thiệu chung

Địa điểm:

Thời vụ:

1. Vật liệu

2. Phương pháp tiền kiểm, hậu kiểm: TCVN 8547:2011

2.1. Bố trí thí nghiệm

2.2. Theo dõi và đánh giá

3. Kết quả

3.1. Về tính đúng giống

3.2. Về độ thuần của giống

4. Kết luận và đề nghị

4.1. Kết luận

- Về tính đúng giống

- Về độ thuần của giống

4.2. Đề nghị

Nơi nhận:
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Đơn vị có mẫu tiền kiểm, hậu kiểm;
- Lưu.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 05
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN *(nếu có)* **TÊN TỔ CHỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/BCĐGHQ-.....	*……., ngày … tháng …. năm …..*

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP QCVN LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:.....
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email: Website:
2. Tên loài, tên giống cây trồng, cấp giống:
3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: .....
4. Mã lô giống được đánh giá sự phù hợp:
5. Kết quả đánh giá:
5.1. Kiểm định ruộng giống
- Ngày kiểm định:
- Địa điểm kiểm định: - Diện tích lô ruộng giống kiểm định/số dòng kiểm định:
- Họ và tên người kiểm định: Điện thoại: Mã số:
- Đơn vị quản lý người kiểm định:
- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm
- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống/số dòng kiểm định phù hợp QCVN: ha; Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

5.2. Thử nghiệm mẫu
- Ngày lấy mẫu:
- Địa điểm lấy mẫu: - Khối lượng lô giống:
- Họ và tên người lấy mẫu: Điện thoại: Mã số/cccd/cc:
- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:
- Tên tổ chức thử nghiệm:
- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm
- Kết quả thử nghiệm: …. Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN: …

6. Kết quả các nội dung khác (nếu có): .....
7. Kết luận:
Lô giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù sự phù hợp chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày tháng năm.
… (tổ chức, cá nhân) …. cam kết chất lượng lô giống…. phù sự phù hợp chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO *(ký, ghi rõ họ tên)*	**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 06

GIẤY CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP LÔ GIỐNG

Lô gô (nếu có) **TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN**

Tên Tổ chức chứng nhận:
Địa chỉ: ĐT: Fax: Email: Website:
Mã số:

GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT
Số: …….. /GCNHQ-

I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:
Chủ lô giống:
Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:
Loài cây trồng: Tên giống: Cấp giống:
Nơi sản xuất: Thời gian thu hoạch:
Biên bản kiểm định (đối với giống sản xuất trong nước): (Số ký hiệu, ngày tháng năm)
Họ tên người kiểm định: Mã số/Số CCCD/CC:
Họ tên người lấy mẫu Mã số/Số CCCD/CC:
Mã lô giống: Ngày lấy mẫu:
Khối lượng lô giống: Ngày nhận mẫu:
Số lượng bao chứa: Khối lượng mẫu gửi:
Chất lượng bao bì: Phương pháp lấy mẫu:
Tờ khai hải quan (đối với hàng nhập khẩu) Ngày cấp:
II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG (Trường hợp giống sản xuất trong nước):
Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018
Đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm) ……
Đơn vị kiểm định: ……
III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU:
Phương pháp thử nghiệm theo TCVN 8548:2011
- Mã số thử nghiệm mẫu:
- Mã số tổ chức thử nghiệm:
- Kết quả thử nghiệm:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (số hạt/kg)	Tỷ lệ nảy mầm (%)	Độ ẩm (% khối lượng)

IV. KẾT LUẬN:
Lô giống... cấp giống... có chất lượng phù hợp chuẩn kỹ thuật số ..... do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, ngày tháng năm.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)